

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 8 - 2018

V/v Ly hôn giữa anh Q và chị H

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Không

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2018/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐST- HNGĐ ngày 14/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Xuân Q, sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn BĐ, xã Th T, huyện TT, Thái Bình.

Bị đơn: Chị Giang Thị H, sinh năm 1980

Địa chỉ: thôn BĐ, xã Th T, huyện TT, Thái Bình.

(Anh Q có mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án nguyên đơn là anh Bùi Xuân Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Giang Thị H ở thôn 3, xã Th T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 03/12/2001 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Th T. Sau khi kết hôn anh và chị H cùng làm việc, sinh sống tại địa phương, thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường nhưng do tính tình không hợp, không tin tưởng nhau nên thời gian gần đây, cuộc sống chung giữa anh và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ những việc bình thường trong sinh hoạt gia đình, giao tiếp xã hội đều có thể dẫn đến việc vợ chồng hiểu lầm, cãi chửi nhau. Nhiều lần anh đã chủ động bàn bạc với chị H để tìm hướng giải quyết mâu thuẫn nhưng chị H không nghe anh. Nay anh xác định nếu anh và chị H tiếp tục chung sống thì chỉ thêm căng thẳng nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị H.

Về việc nuôi con chung: Anh và chị H có hai con chung là Bùi Thu H, sinh ngày 21/12/2004 và con Bùi Thu Ng, sinh ngày 29/4/2015. Hiện anh đảm bảo các điều kiện về việc nuôi dưỡng con chung nhưng do cả hai con đều là gái, chị H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng nên anh đề nghị Tòa án giải quyết chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh có quyền đi lại thăm nom con chung. Hiện nay anh hưởng lương cán bộ công chức cấp xã, nên ở thời điểm này anh chỉ có khả năng cấp dưỡng mỗi con 1 triệu đồng/tháng, hai con là 2 triệu đồng/tháng.

Về việc chia tài sản chung: Anh và chị H không có nợ chung; Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc phân chia tài sản.

** Tại bản tự khai của chị Giang Thị H trình bày như sau*

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa chị và anh Q như lời trình bày của anh Q. Chị xác định hiện nay vợ chồng có mâu thuẫn, xuất phát từ việc anh Q có quan hệ ngoại tình. Nhiều lần chị khuyên anh Q nhìn nhận, sửa chữa để vợ chồng hàn gắn tình cảm xây dựng gia đình, nuôi dạy các con nhưng anh Q không nghe chị, nay lại yêu cầu giải quyết ly hôn. Chị xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng vì các con cần có cả bố và mẹ chăm sóc nên chị không đồng ý ly hôn anh Quyết.

Về việc nuôi con chung: Chị và anh Q có hai con chung là Bùi Thu H, sinh ngày 21/12/2004 và con Bùi Thu Ng, sinh ngày 29/4/2015. Chị đề nghị giải quyết cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh Q cấp dưỡng nuôi với mức mỗi con 1,5 triệu đồng/tháng, hai con là 3 triệu đồng/tháng đến khi con chung thành niên.

Về việc chia tài sản chung: Chị và anh Q không có nợ chung; Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc phân chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân:

Anh Bùi Xuân Q và chị Giang Thị H kết hôn hợp pháp. Do tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2018 hai bên ly thân, do không tìm được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh Q yêu cầu giải quyết ly hôn với chị H. Chị H không đồng ý ly hôn với anh Q nhưng chính chị cũng không đưa ra được cách nào để duy trì quan hệ hôn nhân với anh Q, tòa án tiến hành hòa giải nhưng chị xin vắng mặt. Xét thấy tình cảm vợ chồng phải từ hai phía, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc trong quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị H không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Q ly hôn chị H.

[2]. *Về con chung*: Chị và anh Q có hai con chung là Bùi Thu H, sinh ngày 21/12/2004 và con Bùi Thu Ng, sinh ngày 29/4/2015. Cả hai đều thống nhất giao con chung cho chị H nuôi dưỡng nên chấp nhận sự thỏa thuận này.

Chị H yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con là 1.500.000 đồng, hai con là 3.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên qua xem xét bản xác nhận về lương do anh Q cung cấp thì với mức lương của anh Q sau khi trừ chi phí sinh hoạt mức cấp dưỡng nuôi mỗi con 1 triệu đồng, hai con 2 triệu đồng/tháng là phù hợp.

[3]. *Về phần tài sản*: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Anh Bùi Xuân Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Bùi Xuân Q ly hôn chị Giang Thị H

2. Về nuôi con chung Giao cả hai con chung là Bùi Thu H, sinh ngày 21/12/2004 và con Bùi Thu Ng, sinh ngày 29/4/2015 cho chị Giang Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi con 1 triệu đồng, hai con là 2 triệu đồng/tháng. Thời gian tính từ tháng 9/2018 đến khi con chung thành niên. Anh Q có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Bùi Xuân Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo biên lai số 0001484 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, anh Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

5. Quyền kháng cáo:

Anh Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Th T;
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án dân sự huyện TT
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

